



kǒng bù piàn

恐怖片

noun · horror movie

Example Sentences

wǒ bù gǎn kàn kǒng bù piàn

我不敢看恐怖片。

I dare not watch horror movies.

zhè bù kǒng bù piàn de qíng jié ràng rén máo gǔ sǒng rán

这部恐怖片的情节让人毛骨悚然。

The plot of this horror movie makes one's hair stand on end.

Trace each character, then write the word on your own.

恐	恐	恐	恐	恐	恐	恐	恐	恐	恐	恐
恐	恐									
怖	怖	怖	怖	怖	怖	怖	怖	怖	怖	怖
片	片	片	片	片	片	片				